TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/05/2024
V/v *"tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Di

2. Bà Nguyễn Thị Quế Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền: Ông Vũ Văn Long.

Ngày 27 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế Đ, sinh năm: 1972. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: T34, tổ A, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: T34, tổ A, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thế Đ **trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế Đ và bà Nguyễn Thị T đã sống chung và đăng kí kết hôn vào ngày 14/12/2000 theo đúng quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên qua thời gian chung sống với nhau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rạn nứt về tình cảm. Từ những mâu thuẫn liên quan đến tình cảm, kinh tế, tài chính lo cho cuộc sống gia đình, không có sự chia sẻ đồng cảm với nhau, cả hai không thể giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, ảnh hưởng cuộc sống của cả hai bên. Mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng khuyên răn, hàn gắn nhưng hai bên đều nhận thấy không còn tình cảm thương yêu nhau như trước nên không thể tiếp tục sống chung. Nay ông Đ làm đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho ông Đ được ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, Ông Đ xác định, ông Đ và bà T có 03 (ba) người con chung là: Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 27/01/2002, Nguyễn Thành K, sinh ngày 05/01/2004 và Nguyễn Thành Đ2, sinh ngày 27/06/2017. Đối với cháu Nguyễn Thành Đ1 do bị rối loại tâm thần không biệt định nên ông Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Ông Đ đồng ý để cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thành Đ2, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thành K đã trưởng thành, phát triển bình thường, đủ năng lực hành vi dân sự, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T **trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thế Đ đã sống chung vợ chồng và đăng kí kết hôn vào ngày 14/12/2000 theo đúng quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Do con trai lớn là Nguyễn Thành Đ1 bị bệnh liên quan đến thần kinh nên vợ chồng cũng có cãi nhau liên quan đến con cái ngoài ra vợ chồng vẫn ở chung và sinh sống bình thường. Về tình cảm vợ chồng thì do bà T vẫn còn tình cảm với ông Đ và vì con cái nên bà T không đồng ý ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thế Đ có 03 người con chung là Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 27/01/2002, Nguyễn Thành K, sinh ngày 05/01/2004 và Nguyễn Thành Đ2, sinh ngày 27/06/2017. Bà T đồng ý để cho ông Đ nuôi con là Nguyễn Thành Đ1 do cháu Nguyễn Thành Đ1 bị rối loại tâm thần không biệt định đồng thời yêu cầu ông Đ nuôi con là Nguyễn Thành Đ2 do cháu Đ2 đang còn nhỏ; Bà T không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Đ trả cho cho bà T 3 cây vàng quy ra thành tiền là 180.000.000đ, đây là tiền bà T bỏ ra để sửa chữa căn nhà vợ chồng đang sinh sống nên bà T yêu cầu ông Đ trả lại cho bà T. Bà T đã nhận được thông báo đóng tiền tạm ứng án phí của Tòa án đối với yêu cầu buộc ông Đ trả số tiền 180.000.000đ, do bà T không có tiền đóng nên đã làm đơn xin miễn tạm ứng án phí, tuy nhiên Tòa án cũng không đồng ý cho miễn tạm ứng án phí và tiếp tục đưa cho bà T thông báo về việc không đủ điều kiện miễn tạm ứng án phí theo quy định và thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng từ lúc nhận được thông báo cho đến nay bà T không có tiền nên không đóng.

Về nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sựbị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thế Đ cho ông Đ được ly hôn với bà T.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Đ về con chung; giao cháu Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 27/01/2002 cho ông Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thành Đ2, sinh ngày 27/06/2017 cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét

Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thế Đ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại: xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thế Đ chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đìnhhệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời khai của các đương sự chứng tỏ mâu thuẫn gia đình giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thế Đ là có thật và không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Như vậy, yêu cầu ly hôn của ông Đ là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Đ được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông Đ và bà T có 03 (ba) người con chung là cháu Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 27/01/2002, cháu Nguyễn Thành K, sinh ngày 05/01/2004 và cháu Nguyễn Thành Đ2, sinh ngày 27/06/2017.

Xét thấy ông Đ có nguyện vọng được nuôi con là Nguyễn Thành Đ1 do cháu Đ1 bị rối loại tâm thần không biệt định, bà T cũng đồng ý để cho ông Đ nuôi cháu Đ1; đây là sự thoả thuận chính đáng của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giao cháu Đ1 cho ông Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Nguyễn Thành Đ2 cả ông Đ và bà T đều không đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng; Hội đồng xét xử xét thấy cháu Đ2 còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ2 là muốn được sống

chung với bà T sau khi bà T và ông Đ ly hôn nên cần giao cháu Đ2 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Nguyễn Thành K đã trưởng thành, phát triển bình thường, có đủ năng lực hành vi dân sự, các đương sự cũng không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Bà T cho rằng khi sống chung với ông Đ thì bà T có bỏ ra 3 cây vàng để tu sửa, tân trang căn nhà vợ chồng đang ở, quy ra thành tiền là 180.000.000 đồng; nay bà T yêu cầu ông Đ phải trả lại cho bà T số tiền 180.000.000đ này. Tòa án đã thông báo cho bà T về việc đóng tạm ứng án phí đối với yêu cầu về tài sản chung, Bà T đã nộp đơn xin miễn đóng tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Toà án, tuy nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 326/UBTVQH14ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà T không thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí theo quy định. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt cho bà T thông báo về việc không đủ điều kiện miễn tạm ứng án phí và thông báo lần 2 về việc đóng tạm ứng án phí đối với yêu cầu về tài sản của bà T, tuy nhiên quá thời hạn bà T vẫn không đóng tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của bà T; giành quyền khởi kiện cho bà T về tài sản chung trong vụ án khác.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Thế Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; bà Nguyễn Thị T không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Thế Đ; Xử cho ông Nguyễn Thế Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Thế Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 27/01/2002. Bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành Đ2, sinh ngày 27/06/2017. Ông Nguyễn Thế Đ và bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Nguyễn Thành K sinh ngày 05/01/2004 đã trưởng thành, phát triển bình thường, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Thế Đ *và bà* Nguyễn Thị T *có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.*

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí*:* Ông Nguyễn Thế Đ phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002149, ngày 03 tháng 11 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền; ông Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho ông Nguyễn Thế Đ và bà Nguyễn Thị T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Tỉnh;
(Số 109; QS 01/2020)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thu Hiền